

51

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN CHUYÊN
NGÀNH 1: SẢN XUẤT VÀ QLSX TRONG NHÀ MÁI CHE
CHUYÊN NGÀNH 2: THIẾT KẾ VÀ TẠO DỰNG CẢNH QUAN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
RQ02002: NHẬP MÔN NGÀNH CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ & CẢNH QUAN
(INTRODUCTION TO HORTICULTURE INDUSTRY)

I. Thông tin về học phần

- Học kì:
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 (Lý thuyết 1,5 – Thực hành 0,5 - Tự học 6)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 17 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 5 tiết
 - + Thực tập, thực tế ngoài trường (điều tra thực địa): 8 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Rau hoa quả và Cảnh quan
 - Khoa: Nông học
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành ... <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: không.
- Học phần tiên quyết: không

Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chuyên môn	
CDR2. Ứng dụng KT khoa học và kỹ thuật canh tác cây trồng vào SX các SP RHQ đáp ứng nhu cầu thị trường	2.2. Ứng dụng kỹ thuật canh tác cây trồng vào xây dựng mô hình kỹ thuật cao /qui trình tiên tiến SX SP RHQ đáp ứng nhu cầu thị trường
CDR3. Ứng dụng kiến thức thiết kế, thi công, duy trì CQ đáp ứng	3.3. Ứng dụng kiến thức về thiết kế cảnh quan vào việc thi công cảnh quan đáp ứng các tiêu chuẩn thiết kế

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
các nhu cầu cụ thể về VH, XH, MT và kinh tế	
Kỹ năng chung	
CDR5. Giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan (ông dân, khách hàng, nhà chuyên môn, nhà quản lý).	5.2. Sử dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh giao tiếp học thuật và giao tiếp xã hội
Kỹ năng chuyên môn	
CDR6. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn	6.2. Nghiên cứu điểm mạnh, điểm yếu, sự tương đồng và khác nhau của các PP khảo sát và lựa chọn PP phù hợp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR10. Thể hiện sự sẵn sàng học tập suốt đời, có tinh thần đổi mới và sáng tạo để đáp ứng với sự thay đổi nhanh của khoa học và công nghệ.	10.1. Xác định chính xác các hạn chế của bản thân đối với kiến thức, năng lực cần có của cử nhân ngành công nghệ rau hoa quả và cảnh quan và các xu hướng hiện đại trong nghề nghiệp.

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* Mục tiêu:

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về Ngành RHQ&CQ (về hiện trạng sản xuất, những thuận lợi, khó khăn, và tiềm năng phát triển của ngành trong tương lai...), trên cơ sở đó giúp sinh viên định hướng cho mình trong việc lựa chọn chuyên ngành phù hợp và ngành nghề sau khi tốt nghiệp.

- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng về giao tiếp, làm việc theo nhóm, các kỹ năng về điều tra thực địa, tổng hợp tài liệu, xử lý số liệu, viết báo cáo, trình bày báo cáo và làm quen với cách tổ chức semina và hội thảo sinh viên.

- Học phần hình thành cho người học thái độ học tập tích cực, yêu nghề.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT				
		2.2	3.3	5.2	6.2	10.1
RQ02002	Nhập môn ngành CNRHQ&CQ	I	I	I	I	I

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Ứng dụng kiến thức về thực trạng ngành rau, hoa quả và công nghệ trồng trọt tiên tiến để sản xuất sản phẩm rau, hoa, quả, cây cảnh đáp ứng nhu cầu thị trường	2.2
K2	Ứng dụng kiến thức về thực trạng thiết kế cảnh quan vào việc thiết kế và thi công cảnh quan đáp ứng nhu cầu xã hội	3.3
Kỹ năng		

K3	Giao tiếp hiệu quả với công giới về lĩnh vực rau, hoa, quả và cảnh quan	5.2
K4	Triển khai điều tra thực địa về lĩnh vực rau, hoa, quả và cảnh quan	6.2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Xác định hạn chế của bản thân đối với năng lực cần có của cử nhân ngành CN RHQ&CQ để phấn đấu trong học tập và rèn luyện	10.1

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

Mã RQ02002 - Tên học phần Nhập môn ngành Công nghệ Rau Hoa Quả và Cảnh quan (Tổng số tín chỉ 2: Tổng số tín chỉ lí thuyết 1,5 – Tổng số tín chỉ thực hành 0,5 – Tổng số tín chỉ tự học 6).

Học phần gồm 4 chương, đề cập đến các vấn đề: giới thiệu về chương trình đào tạo ngành Công nghệ RHQ&CQ theo định hướng nghề nghiệp; vị trí, vai trò của ngành sản xuất rau, hoa, quả và thiết kế cảnh quan; hiện trạng và xu thế phát triển của ngành; giới thiệu thể giới nghề nghiệp (WoW) và cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp; điều tra thực địa, tổ chức hội thảo sinh viên.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết trình	x	x			x
Làm việc nhóm				x	
Điều tra thực địa	x	x	x	x	x
Hội thảo sinh viên	x	x	x		x

2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng trên lớp
- Làm việc nhóm
- Điều tra thực địa
- Tự học, tự nghiên cứu tài liệu
- Thảo luận nhóm
- Viết và trình bày báo cáo

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết, thực hành. Tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước bài học theo yêu cầu của giáo viên.
- Điều tra thực địa: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đi tìm hiểu thực tế về thể giới nghề nghiệp và thực trạng sản xuất rau, hoa, quả và thiết kế cảnh quan ở một số vùng. Yêu cầu làm việc theo nhóm và nộp hồ sơ kết quả điều tra theo nhóm.
- Thuyết trình và thảo luận trong buổi hội thảo sinh viên: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia chuẩn bị bài trình bày kết quả điều tra thực địa và trình bày trong buổi hội thảo sinh viên, tích cực tham gia thảo luận cùng với các nhóm khác.
- Thi cuối kì: tham dự kỳ thi cuối kỳ.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (50%)						
Rubric 1. Đánh giá chuyên cần (10%)					x	Tuần 1-8
Rubric 2. Đánh giá báo cáo điều tra thực địa (15%)	x	x		x	x	Tuần 12
Rubric 3. Hồ sơ điều tra thực địa (10%)				x		Tuần 12
Rubric 4. Thuyết trình (15%)	x	x	x		x	Tuần 12
Đánh giá cuối kì (50%)						
Rubric 5. Thi cuối kì (50%)	x	x				Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1. Chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Tham dự đủ 100% bài học	Tham dự trên 90% bài học	Tham dự từ 70 đến 90%	Tham dự dưới 70% số buổi

Rubric 2. Báo cáo điều tra thực địa

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Hình thức trình bày báo cáo	15	Trình bày đúng qui định về định dạng không mắc lỗi chính tả. Văn phong sáng sủa, mạch lạc	Còn một số sai sót về định dạng/lỗi chính tả. Văn phong khá sáng sủa, mạch lạc	Còn nhiều sai sót về định dạng/lỗi chính tả. Văn phong lùn cùn nhưng vẫn có thể hiểu được	Trình bày không đúng định dạng, mắc nhiều lỗi chính tả. Nhiều chỗ thiếu rõ ràng gây khó hiểu
Đặt vấn đề	10	Trình bày rõ ràng và thuyết phục về sự cần thiết đi điều tra thực địa, lý do	Nêu được sự cần thiết điều tra thực địa, lý do chọn cơ sở điều tra, mục đích điều tra.	Trình bày chưa đầy đủ về sự cần thiết đi điều tra thực địa, lý do chọn	Không nêu được sự cần thiết đi điều tra thực địa, lý do chọn cơ sở điều

		chọn cơ sở điều tra, mục đích điều tra.		cơ sở điều tra, mục đích điều tra.	tra, mục đích điều tra.
Nội dung và phương pháp điều tra	20	trình bày rõ ràng và đầy đủ các nội dung điều tra và phương pháp thực hiện từng nội dung.	Trình bày đầy đủ nhưng chưa rõ ràng nội dung và phương pháp điều tra	Trình bày không rõ ràng và không đầy đủ nội dung, phương pháp điều tra	Không trình bày được nội dung và phương pháp điều tra
Kết quả điều tra và thảo luận	45	Kết quả phù hợp với từng nội dung; thông tin đầy đủ, phong phú, cập nhật, đáng tin cậy; nhận xét hợp lý tất cả các kết quả điều tra, thể hiện sự hiểu biết của mình.	Kết quả phù hợp với từng nội dung, thông tin tương đối đầy đủ, đáng tin cậy; nhận xét hợp lý phần lớn kết quả điều tra	Thông tin sơ sài, kết quả không hoàn toàn phù hợp với nội dung, nhận xét không hợp lý phần lớn kết quả điều tra.	Thông tin rất sơ sài, không tin cậy, kết quả không phù hợp với nội dung, không nhận xét hoặc nhận xét không hợp lý tất cả các kết quả điều tra.
Kết luận	10	kết luận ngắn gọn, rõ ràng, rút ra được các bài học kinh nghiệm sâu sắc	kết luận ngắn gọn, rõ ràng, rút ra được một số bài học kinh nghiệm có giá trị	Kết luận hợp lý nhưng dài dòng, rút ra được rất ít bài học kinh nghiệm có giá trị	Kết luận không phù hợp với kết quả đạt được, không nêu được bài học kinh nghiệm có giá trị

Rubric 3. Hồ sơ điều tra thực địa

HỒ SƠ ĐIỀU TRA THỰC ĐỊA					
Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Đánh giá chéo của các thành viên trong nhóm	25	9 – 10 điểm	7 – 8 điểm	5 - 6 điểm	Dưới 5 điểm
Số liệu thu thập	25	Số liệu đầy đủ, phong phú, tin cậy	Số liệu đầy đủ, đáng tin cậy	Số liệu có nhưng sơ sài, thiếu tin cậy	Không có số liệu
Phiếu điều tra	25	Có đầy đủ số phiếu theo yêu cầu với điền đầy đủ thông tin	Đủ số phiếu theo yêu cầu nhưng một số không có đầy đủ thông tin	Không có đầy đủ số phiếu, điền không đầy đủ thông tin trên phiếu	Không có phiếu điều tra
Báo cáo nhóm	25	Có báo cáo nhóm			Không có báo cáo nhóm

Rubric 4. Thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lô cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
--------	--------------------------

K1	Chỉ báo 1: Phân tích tầm quan trọng của ngành RHQ&CQ Chỉ báo 2: Trình bày lịch sử phát triển ngành RHQ&CQ Chỉ báo 3: Phân tích tình hình sản xuất RHQ ở VN Chỉ báo 4: Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm RHQ ở VN Chỉ báo 5: Phân tích đặc điểm của ngành RHQ Chỉ báo 6: Phân tích thuận lợi, khó khăn của ngành RHQ&CQ ở VN Chỉ báo 7: Trình bày phương hướng và giải pháp phát triển ngành RHQ&CQ ở VN Chỉ báo 8: Trình bày tình hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong ngành RHQ&CQ
K2	Chỉ báo 9: Phân tích tình hình thiết kế và tạo dựng cảnh quan ở VN Chỉ báo 10: Phân tích thuận lợi, khó khăn của ngành thiết kế cảnh quan ở VN Chỉ báo 11: Trình bày phương hướng và giải pháp phát triển ngành thiết kế cảnh quan ở VN Chỉ báo 12: Trình bày tình hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong thiết kế và tạo dựng cảnh quan.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp hồ sơ điều tra thực địa: Đúng hạn. Tất cả các trường hợp nộp chậm đều không được chấp nhận.

Tham dự các bài thi: Sinh viên phải tham dự kì thi cuối kì.

Tham dự seminar: Sinh viên phải tham dự thuyết trình và thảo luận tại hội thảo sinh viên (seminar).

Yêu cầu về đạo đức: Tôn trọng sở hữu trí tuệ. Đi học đầy đủ, đúng giờ, tham gia tích cực vào bài học trên lớp, thực hành, seminar.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

*** Sách giáo trình/Bài giảng:**

1. Trần Thị Minh Hằng, 2022. BÀI GIẢNG Nhập môn Ngành Công nghệ Rau-Hoa-Quả & Cảnh quan

*** Tài liệu tham khảo khác:**

1. Department of Agriculture and Food. 2014. The horticulture Handbook. A reference guide for establishing horticulture enterprises in Western Australia. Bulletin 4847. Government of Western Australia.
2. Government of India Ministry of Agriculture & Farmers' Welfare Department of Agriculture, Cooperation & Farmers' Welfare. Horticulture Statistics Division. 2018. Horticultural Statistics at a Glance 2018.
3. CORTEVA griscience. 2022 HORTICULTURE CROP PROTECTION GUIDE. horticulture.corteva.ca. Trademarks of Corteva Agriscience and its affiliated companies. © 2021 Corteva.
4. Robert M. Groves (Author), Floyd J., Jr. Fowler. 2004. Survey Methodology (Wiley Series In Survey Methodology). Wiley Publishing.
5. By George Acquaah. 2008. Horticulture. Prentice Hall Publishing.

*** Các nghiên cứu, kết quả nghiên cứu:**

- Lê Thị Thu, Phạm Mỹ Linh, Tran Thi Minh Hang. (2018). Nghiên cứu ảnh hưởng của mật độ trồng đến sinh trưởng, phát triển của giống dưa chuột lai GL1-1 vụ xuân hè năm 2017 tại Thái Nguyên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ 188 (12//1): 21 – 26.

- Pham Van Cuong, Bui Ngoc Tan, Đinh Mai thuy Linh, Ha Thi Quynh, Tran Thi Thiem, Tran Thi Minh Hang. 2019. Ảnh hưởng của phân hữu cơ vi sinh thay thế phân vô cơ đến năng suất và chất lượng cây cải bắp và củ cải tại các vùng trồng khác nhau. *Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn* kỳ 1 tháng 11/2019: 3 – 9
- Tran Thi Thiem, Pham Van Cuong, Tran Thi Minh Hang, Bui Ngoc Tan, Ha Thi Quynh. 2019. Ảnh hưởng của liều lượng phân hữu cơ vi sinh bón thay thế phân vô cơ đến sinh trưởng và năng suất cà chua và dưa chuột. **Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2019, 17(11): 901-908.**
- Le Thi Thu Trang, La Tuan Nghia, Tran Thi Minh Hang, Hoang Thi Hue, Đam Thi Thu Ha. 2020. Nghiên cứu đa dạng di truyền nguồn gen mướp thu thập ở các tỉnh miền Bắc Việt Nam bằng chỉ thị SSR. *Tạp chí khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam* số 4 (113)/2020: 115-120.
- Le Thi Thu Trang, La Tuan Nghia, Tran Thi Minh Hang, Trinh Thi Lan. 2020. Nghiên cứu đa dạng di truyền nguồn gen mướp (*Luffa aegyptiaca* L. Roem) ở miền Bắc Việt Nam bằng chỉ thị hình thái. *Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn* số 11 kỳ 1 tháng 6/2020: 20-28.
- Le Thi Thu Trang, La Tuan Nghia, Tran Thi Minh Hang, Hoang Thi Hue. 2020. Tình hình nhiễm sâu bệnh của tập đoàn mướp ở miền Bắc Việt Nam tại Thanh Miện, Hải Dương. *Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn* số 12 kỳ 2 tháng 6/2020: 28-33.
- Tran To Tam, Tran thi Minh Hang, Pham My Linh. 2020. Đánh giá khả năng thích ứng của một số tổ hợp lai dưa chuột có triển vọng tại vùng Đồng bằng sông Hồng. **Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2020, 18(2): 81-87.**
- Le Thi Thu, Pham My Linh, Tran Thi Minh Hang. 2020. Xác định một số thông số kỹ thuật thích hợp cho sản xuất hạt giống dưa chuột lai F1 GL1-2 ở vùng Đồng bằng và Trung du Bắc bộ. **Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam 2020, 18(6): 408-413.**
- Trần Thị Minh Hằng, Phạm Văn Cường, Trần Thị Thiêm, Bùi Ngọc Tấn, Hà Thị Quỳnh. 2020. Xác định liều lượng bón phân hữu cơ vi sinh thay thế phân vô cơ thích hợp cho sản xuất rau ăn lá an toàn trong vụ hè thu ở miền Bắc Việt Nam *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam* 2020, 18(11): 917-928.
- Nguyễn Thị Ái Nghĩa, Phạm Văn Cường, Nguyễn Thị Minh, Trần Thị Minh Hằng. Ảnh hưởng của phân chuồng ủ bằng chế phẩm vi sinh mới (VNVA - MiosV) đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng của rau hữu cơ tại Lương Sơn, Hòa Bình. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* số 22/2020: 37-44.
- Trần Thị Minh Hằng, Phạm Văn Cường. 2021. Sử dụng phân ủ bằng chế phẩm sinh học mới Compost maker Bio-02 trong sản xuất rau hữu cơ tại Sóc Sơn, Hà Nội. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* số 402-403/2021: 123 - 130

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1	Chương 1: Giới thiệu Chương trình đào tạo ngành CNRHQ&CQ	

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	<p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết) Giới thiệu Chương trình đào tạo ngành CNRHQ&CQ: - Cách tiếp cận xây dựng chương trình theo định hướng nghề nghiệp (POHE) - Hồ sơ nghề nghiệp và Hồ sơ năng lực - Khung chương trình và tiến trình đào tạo</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Tìm hiểu về chương trình đào tạo đại học ngành CNRHQ&CQ</p>	K5
.....	<p>Chương 2: Thực trạng ngành nghề sản xuất rau, hoa, quả và thiết kế cảnh quan</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (15 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (10 tiết) - Đặc điểm cơ bản của ngành sản xuất RHQ và thiết kế cảnh quan. - Tình hình sản xuất và tiêu thụ rau, quả, hoa cây cảnh và thiết kế cảnh quan - Thuận lợi, khó khăn, triển vọng và xu thế phát triển của ngành.</p> <p>Nội dung điều tra thực địa: (5 tiết) Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp (WoW): Điều tra tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm rau, quả, hoa cây cảnh và thiết kế cảnh quan ở thế giới nghề nghiệp (viện nghiên cứu, cơ quan quản lý nhà nước, công ty, trang trại, hiệp hội...).</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (45 tiết) Thực trạng ngành sản xuất rau, hoa, quả và thiết kế cảnh quan trên thế giới và ở Việt Nam</p>	K1, K2 K1, K2, K3, K4
.....	<p>Chương 3: Giới thiệu các công nghệ tiên tiến ứng dụng trong sản xuất rau, hoa, quả và thiết kế cảnh quan</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (8 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ sinh học - Công nghệ canh tác và bảo quản nông sản - Công nghệ cơ giới hóa và tự động hóa - Công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp - Công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (24 tiết) Thực trạng ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất rau, hoa, quả và thiết kế cảnh quan trên thế giới và ở Việt Nam</p>	K1, K2
.....	<p>Chương 4: Cơ hội việc làm và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên tốt nghiệp ngành CNRHQ&CQ</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (1 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các loại hình cơ quan hoạt động trong lĩnh vực RHQ và CQ. - Giới thiệu các nhà tuyển dụng chủ yếu: cơ cấu tổ chức, qui mô, loại hình hoạt động, thành tựu nổi bật, định hướng phát triển của cơ quan.... - Nhu cầu tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành CNRHQ&CQ 	K3, K4, K5

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	Điều tra thực địa: (3 tiết) Điều tra tình hình hoạt động và tuyển dụng kỹ sư ngành RHQ&CQ của WoW	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (12 tiết) Các cơ quan/doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp/sản xuất và kinh doanh rau, hoa, quả hoặc thiết kế cảnh quan	

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, phòng thảo luận nhóm.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, phòng, máy tính, bàn ghế có thể di chuyển dễ dàng để thuận tiện cho thảo luận nhóm.
- E- learning

PTRƯỜNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)


 Nguyễn Hải Đan

PTRƯỜNG KHOA



PGS.TS. *Ninh Chi Phíp*

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Minh Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
 GS.TS. *Phạm Văn Cường*

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thị Minh Hằng	Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Rau Hoa Quả, khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0919.645.745
Email: ttmhang@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Vũ Thanh Hải	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Rau Hoa Quả, khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912.715.234
Email: vuhaihai@yahoo.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại, gặp trực tiếp

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết trình	x	x			x
Làm việc nhóm				x	
Điều tra thực địa	x	x	x	x	x
Hội thảo sinh viên	x	x	x		x
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Đánh giá chuyên cần (10%)					x
Rubric 2. Đánh giá báo cáo điều tra thực địa (15%)	x	x		x	x
Rubric 3. Hồ sơ điều tra thực địa (10%)				x	
Rubric 4. Thuyết trình (15%)	x	x	x		x
Rubric 5. Thi cuối kì	x	x			

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018

Cập nhật nội dung giới thiệu về chương trình đào tạo, thực trạng ngành sản xuất RHQ&CQ

- Lần 2: 7/ 2019

- Lần 3: 7/ 2020

- Lần 4: 7/ 2021